

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 285/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26-6-2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Hương

Ông Trần Văn Thắng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Trần Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2023/TLST-HNGĐ ngày 12-5-2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16-6-2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thùy T, sinh năm 1982; đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số nhà 19/109 đường B, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định. Có mặt

- Bị đơn: Anh Đào Đức T1, sinh năm 1973; đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số nhà 19/109 đường B, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình nộp ngày 12-5-2023, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Thùy T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh Đào Đức T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Thành

phố Hà Nội vào tháng 12 năm 2014. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa vợ chồng phát sinh nhiều bất đồng về cuộc sống, không cùng quan điểm về xây dựng kinh tế gia đình. Dần dần giữa vợ chồng không có điểm chung trong cuộc sống, không có sự bàn bạc về công việc trong gia đình. Vợ chồng không tìm được biện pháp khắc phục mâu thuẫn. Chị T đã đưa con về sống chung với bố mẹ đẻ chị T. Thời điểm gần đây, chị T bị nhiều đối tượng liên tục gọi điện để thông báo nợ của anh T1, đe dọa mẹ con chị T cũng như đến nhà chị T và nhà bố mẹ đẻ chị T để tìm anh T1 đòi nợ, ảnh hưởng tới sinh hoạt, tâm lý, tình cảm của cả gia đình. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn với anh T1.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung: Đào Hồng A (giới tính: Nữ), sinh ngày 18-6-2019. Chị T có nguyện vọng được nuôi con chung do cháu còn nhỏ, quen với sự chăm sóc của mẹ. Chị T yêu cầu anh T1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Chị T và anh T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là anh Đào Đức T1 trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn anh chị sống hòa thuận. Tuy nhiên thời gian vừa qua, anh có đầu tư vào nhà đất, anh đã vay tiền để mua nhà cho bố mẹ đẻ mà chưa thống nhất với vợ dẫn tới khó khăn về kinh tế. Anh chưa thanh toán được vay nợ nên người cho vay đã đến đòi nợ chị T và gia đình. Anh nhận thấy có lỗi với vợ và gia đình. Anh sẽ cố gắng giải quyết, mong chị T suy nghĩ lại để vợ chồng có thể đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Về yêu cầu của chị T xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung: Đào Hồng A (giới tính: Nữ), sinh ngày 18-6-2019. Nếu ly hôn, anh nhất trí để chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh sẽ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T là 3.000.000 đồng/tháng

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 12-6-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, đại diện chính quyền địa phương cung cấp: chị T và anh T1 có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống và đăng ký thường trú tại địa chỉ 19/109 B, phường N, thành phố N. Vợ chồng có một con chung là Đào Hồng A, sinh năm 2019. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân là mâu thuẫn về kinh tế, anh T1 vay nợ bên ngoài nên thường bị người đến nhà đòi nợ. Gia đình bố mẹ chị T (Ở khu nhà chung đường B, phường N, thành phố N) cũng bị chủ nợ của anh T1 đến ném chất thải vào nhà để đòi nợ ngày 11-6-2023.

4. Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 12-6-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, đại diện Công an phường N cung cấp: Ông Trần Văn Đ và bà Vũ Thị T2 là bố mẹ đẻ của chị T, hiện đang thường trú tại địa chỉ 7/68 b, phường n, thành phố N. Khoảng thời gian gần đây, chị T có chuyển về chung sống cùng ông Đ và bà T2. Ngày 11-6-2023, Công an phường N tiếp nhận đơn trình báo liên quan đến vụ việc ném chất bẩn tại khu vực ngõ 68 khu nhà chung, phường N, thành phố N. Qua làm việc với các bên liên quan, các bên liên quan nhận định sự việc ném chất bẩn trên có liên quan đến việc nợ nần của anh Đào Đức T1. Công an phường đang tiếp tục tiến hành, xác minh làm rõ vụ việc, hiện chưa có kết quả chính thức.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xử lý hôn giữa chị Trần Thị Thùy T và anh Đào Đức T1. Về con chung: Giao cháu Đào Hồng A, sinh ngày 18-6-2019 (giới tính: Nữ) cho chị Trần Thị Thùy T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, buộc anh Đào Đức T1 phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/tháng.

Chị T là nguyên đơn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T1 phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thùy T và anh Đào Đức T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội 20-12-2014 nên hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp.

[2] Về tình cảm: Quá trình chung sống, chị T và anh T1 xảy nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về làm ăn kinh tế, vợ chồng

không bàn bạc được công việc gia đình. Bản thân anh T1 cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng là do anh làm ăn kinh tế không bàn bạc với chị T dẫn đến nợ nần. Chị T đã đưa con về chung sống với bố mẹ đẻ chị T. Anh T1 có nguyện vọng mong chị T suy nghĩ lại tạo điều kiện để anh T1 khắc phục nợ nần, vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, đến nay anh T1 vẫn không tìm được biện pháp khắc phục, việc vay nợ của anh T1 đã ảnh hưởng đến cuộc sống của mẹ con chị T, chị T vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn với anh T1. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử lý hôn giữa chị T và anh T1.

[3] Về con chung: Chị T và anh T1 có một con chung là Đào Hồng A (giới tính: Nữ), sinh ngày 18-6-2019. Xét cháu Đào Hồng An còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của người mẹ; chị T có nguyện vọng được nuôi con chung, anh T1 cũng nhất trí để chị T là người nuôi con chung, vì vậy giao cháu Đào Hồng An cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét quan điểm của anh T1 và chị T về việc anh T1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng. Nguyện vọng của hai bên là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Chị T và anh T1 xác định tự thỏa thuận được với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Trần Thị Thùy T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh Đào Đức T1 phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Thùy T và anh Đào Đức T1.

2. Về con chung: Giao cháu Đào Hồng A, sinh ngày 18-6-2019 (giới tính: Nữ) cho chị Trần Thị Thùy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đào Đức T1 cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/tháng (*Ba triệu đồng một tháng*) kể từ tháng 6 năm 2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, tự lập được.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Thùy T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Khấu trừ khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị Trần Thị Thùy T đã nộp tại biên lai số 0000084 ngày 12-5-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định. Chị Trần Thị Thùy T đã nộp đủ.

Án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm: Anh Đào Đức T1 phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thùy T và anh Đào Đức T1 có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì chị Trần Thị Thùy T và anh Đào Đức T1 có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, TP.Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Tổng Thị Kim Phụng

